

<p>a.Giới thiệu bài:</p> <p>b.Hoạt động 1 1. Hoàng Liên Sơn dãy núi cao và đồ sộ nhất Việt Nam</p> <p>2.Hoạt động 2: Khí hậu lạnh quanh năm</p>	<p>- Tiết địa hôm nay cô cùng các em tìm hiểu về dãy núi Hoàng Liên Sơn</p> <p>- Các em quan sát lược đồ các dãy núi chính ở Bắc Bộ và kể tên các dãy núi chính ở Bắc Bộ</p> <p>- Em hãy lên bảng tìm dãy núi Hoàng Liên Sơn trên bản đồ</p> <p>- Hãy mô tả dãy núi Hoàng Liên Sơn GV chỉ vị trí của dãy núi Hoàng Liên Sơn trên bản đồ địa lí Việt nam</p> <p>- Những nơi cao của dãy Hoàng Liên Sơn có khí hậu như thế nào ?</p> <p>- Hãy chỉ vị trí của Sa Pa trên bản đồ và cho biết độ cao của Sa Pa ? – -Dựa vào bảng số liệu , em hãy nêu nhiệt độ trung bình của Sa Pa vào tháng 1 và tháng 7 ?</p> <p>- Em có nhận xét gì về khí hậu của Sa Pa ? * Bên cạnh việc có khí hậu mát mẻ quanh năm , Sa Pa còn có rất nhiều cảnh đẹp tự nhiên như thác Bạc ,</p>	<p>-HS nghe và ghi đầu bài.</p> <p>-Những dãy núi chính ở Bắc Bộ là dãy Hoàng Liên Sơn , dãy Sông Gâm , dãy Ngân Sơn ,dãy Bắc Sơn , dãy Đông Triều .</p> <p>-HS lần lượt lên bảng chỉ và nêu tên các dãy núi +Vị trí : ở phía bắc nước ta , giữa sông Hồng và sông Đà + Chiều dài : khoảng 180 km + Chiều rộng :gần 30 km + Độ cao :dãy núi cao và đồ sộ nhất Việt Nam + Đỉnh : có nhiều đỉnh nhọn . + Sườn : rất dốc + Thung lũng : thường hẹp và sâu - Đỉnh Phan -xi -păng – “ nóc nhà” của Tổ quốc</p> <p>- Những nơi cao của Hoàng Liên Sơn khí hậu lạnh quanh năm , nhất là những tháng mùa đông , có khi tuyết rơi . Từ độ cao 2 000 m đến 2 500 m, thường có nhiều mưa rất lạnh . Từ độ cao 2 500 m trở lên , khí hậu càng lạnh hơn (gió thổi mạnh .)</p> <p>-Sa Pa cao 1 570 m</p> <p>-Vào tháng 1 , nhiệt độ trung bình ở sa Pa là 9⁰ C và vào tháng 7 là 20⁰ C . -Sa Pa có khí hậu mát mẻ quanh năm</p>
--	---	--

3'	C. Củng cố, dặn dò	<p>Cầu mây , cổng Trời, rừng Trúc ..nên đã trở thành khu du lịch nghỉ mát nổi tiếng ở vùng núi phía bắc nước ta .</p> <p>-GV cho HS xem một số tranh ảnh về Sa Pa -HS đọc ghi nhớ</p> <p>- GV nhận xét tiết học. -Về sưu tầm tranh ảnh và chuẩn bị bài, xem trước bài sau</p>	<p>-HS đọc SGK trả lời</p> <p>-HSlắng nghe</p>
-----------	-------------------------------	---	--

*Rút kinh nghiệm,bổ sung:

.....

.....

.....

.....

KHOA HỌC
TRAO ĐỔI CHẤT Ở NGƯỜI (TIẾP THEO)

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Kể tên những biểu hiện bên ngoài của quá trình trao đổi chất và những cơ quan thực hiện quá trình đó.
- Nêu được vai trò của cơ quan tuần hoàn trong quá trình trao đổi chất xảy ra bên trong cơ thể.

2. Kỹ năng:

- Trình bày được sự phối hợp hoạt động của các cơ quan tiêu hoá, hô hấp, tuần hoàn, bài tiết.

3. Thái độ:

- Giáo dục HS ham tìm hiểu khoa học.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Giáo viên: Hình trang 8, bảng phụ, phấn màu.
- Học sinh: SGK, chuẩn bị nội dung thảo luận.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

1. Ôn định tổ chức : 1phút

2. Tiến trình giờ dạy :

Tg	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3'	A. Kiểm tra bài cũ.	+ Thế nào là trao đổi chất? + Nêu vai trò của sự trao đổi chất với con người, động vật, thực vật? - Nhận xét.	+ 2 học sinh trả lời. - Nhận xét.
1'	B. Bài mới. a. Giới thiệu bài.	- GV giới thiệu bài.	- Nghe.
15'	b. Hoạt động 1: Tìm hiểu về chức năng của các cơ quan tham gia quá trình trao đổi chất.	- YC HS quan sát các hình trong SGK và trả lời: + Hình minh họa cơ quan nào trong quá trình trao đổi chất? KL: - Chức năng của cơ quan tiêu hoá: Biến đổi thức ăn nước uống thành các chất dinh dưỡng ngấm vào máu đi nuôi cơ thể, thải phân ra - Cơ quan hô hấp: Hấp thu khí O ₂ và thải ra khí CO ₂ . Cơ quan bài tiết nước tiểu: Lọc máu, tạo thành nước tiểu và thải nước tiểu ra ngoài. + Cơ quan nào trực tiếp thực hiện quá trình trao đổi chất giữa cơ thể với môi trường bên ngoài? 1) Trao đổi khí: Do cơ quan hô hấp thực hiện. 2) Trao đổi thức ăn: Do cơ quan tiêu hoá thực hiện. 3) Bài tiết :Do cơ quan bài tiết nước tiểu.	- Học sinh quan sát hình trang 8 nói tên và chức năng của từng cơ quan.
15'	c. Hoạt động 2: Tìm hiểu mối quan hệ giữa các cơ quan trong việc thực hiện sự trao đổi	Cơ quan tuần hoàn thực hiện quá trình trao đổi chất bên trong. - GV dán sơ đồ còn thiếu lên bảng. Gọi HS lên dán các tấm thẻ vào chỗ chấm trong sơ đồ.	- Các cặp thảo luận và trả lời câu hỏi. - HS làm việc theo cặp, đại diện các cặp lên làm trên bảng phụ. - HS xem sơ đồ trang 9 SGK để tìm ra các từ còn

<p>3'</p>	<p>C. Củng cố – dặn dò.</p>	<p>chất ở người.</p> <p>KL: cơ quan tuần hoàn mà quá trình trao đổi chất diễn ra ở bên trong cơ thể được thực hiện. Nếu 1 trong các cơ quan ngừng hoạt động sự trao đổi chất sẽ ngừng, cơ thể sẽ chết.</p> <p>- Gọi HS đọc mục bạn cần biết.</p> <p>+ Điều gì sẽ xảy ra nếu một trong các cơ quan tham gia vào quá trình trao đổi chất ngừng hoạt động?</p> <p>- Nhận xét tiết học.</p>	<p>Chất ở người.</p> <p>- 3 học sinh lên nói vai trò của từng trong cơ quan trong quá trình trao đổi chất.</p> <p>- 2 HS đọc.</p> <p>+con người sẽ chết.</p>
-----------	------------------------------------	---	--

KHOA HỌC
CÁC CHẤT DINH DƯỠNG CÓ TRONG THỨC ĂN,
VAI TRÒ CỦA CHẤT BỘT ĐƯỜNG

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức:

- Biết sắp xếp thức ăn hàng ngày vào nhóm thức ăn có nguồn gốc động vật hay thực vật.
- Phân loại thức ăn dựa vào những chất dinh dưỡng có nhiều trong thức ăn đó.

2. Kỹ năng:

- Nói tên và vai trò của những thức chứa nhiều chất bột đường.
- Nhận ra các thức ăn nhiều chất bột đường đều có nguồn gốc từ thực vật.

3. Thái độ:

- HS ăn uống đủ chất để cơ thể khỏe mạnh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- Giáo viên: Tranh SGK, bảng phụ, phấn màu.
- Học sinh: SGK, nội dung thảo luận.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. Ổn định tổ chức : 1phút
2. Tiến trình giờ dạy :

Tg	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh																				
3'	A. Kiểm tra bài cũ	+ Trình bày mối liên hệ giữa các cơ quan: Tiêu hoá, hô hấp, tuần hoàn, bài tiết trong quá trình trao đổi chất. + Điều gì xảy ra nếu 1 trong các cơ quan ngừng hoạt động?	- 2 học sinh trả lời. - Nhận xét.																				
30'	B. Bài mới a. Giới thiệu bài. b. Hoạt động 1 Tập phân loại thức ăn.	+ Hằng ngày, vào các bữa sáng, trưa, tối các em đã ăn, uống những gì? - GV giới thiệu bài. - YC HS quan sát hình trong SGK trang 10 và hỏi: + Những thức ăn, đồ uống nào có nguồn gốc từ động vật, từ thực vật? - Gọi HS lên bảng xếp các thẻ ghi	+ Vài HS nêu. - HS nghe. - Các nhóm thảo luận. + Học sinh trả lời. -HS quan sát hình tr.10 để hoàn thành bảng. - 1 HS lên bảng.																				
		<table border="1" style="margin-left: auto; margin-right: auto;"> <thead> <tr> <th rowspan="2" style="width: 15%;">Tên thức ăn đồ uống</th> <th colspan="2" style="width: 40%;">Nguồn gốc</th> </tr> <tr> <th style="width: 20%;">Thực vật</th> <th style="width: 20%;">Động vật</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Rau cải</td> <td style="text-align: center;">x</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Đậu cô ve</td> <td style="text-align: center;">x</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Cơm</td> <td style="text-align: center;">x</td> <td></td> </tr> <tr> <td>Thịt lợn</td> <td></td> <td style="text-align: center;">x</td> </tr> <tr> <td>Tôm</td> <td></td> <td style="text-align: center;">x</td> </tr> </tbody> </table> tên thức ăn, đồ uống vào đúng cột.	Tên thức ăn đồ uống	Nguồn gốc		Thực vật	Động vật	Rau cải	x		Đậu cô ve	x		Cơm	x		Thịt lợn		x	Tôm		x	
Tên thức ăn đồ uống	Nguồn gốc																						
	Thực vật	Động vật																					
Rau cải	x																						
Đậu cô ve	x																						
Cơm	x																						
Thịt lợn		x																					
Tôm		x																					
		Người ta còn có thể phân loại thức ăn theo cách nào khác? 1) Nhóm thức ăn chứa nhiều chất đường bột 2) Nhóm thức ăn chứa nhiều chất	- Đọc mục bạn cần biết để trả lời câu hỏi.																				

5'	<p>c. Hoạt động 2: Tìm hiểu vai trò của chất bột đường.</p> <p>d. Hoạt động 3: Xác định nguồn gốc của các thức ăn chứa nhiều chất bột đường.</p> <p>C. củng cố – dặn dò.</p>	<p>đạm</p> <p>3) Nhóm thức ăn chứa nhiều chất béo.</p> <p>4) Nhóm thức ăn chứa nhiều vi-ta-min và chất khoáng.</p> <p>Kết luận: Như mục bạn cần biết và bổ sung</p> <p>+ Nêu tên những thức ăn giàu chất bột đường mà các em ăn hàng ngày?</p> <p>+ Kể tên những thức ăn chứa chất bột đường mà em thích ?</p> <p>+ Nhóm thức ăn chứa nhiều chất bột đường có vai trò gì?</p> <p>- GV phát phiếu học tập cho HS và yêu cầu suy nghĩ làm bài.</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; margin-top: 10px;"> <tr> <td style="width: 50%;">Tên thức ăn</td> <td style="width: 50%;">Từ loại cây</td> </tr> <tr> <td>Cơm</td> <td>Cây lúa</td> </tr> <tr> <td>Khoai tây</td> <td>Cây khoai</td> </tr> <tr> <td>Đường</td> <td>Cây mía</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> <tr> <td>.....</td> <td>.....</td> </tr> </table> <p>- Phát thẻ Đ, S cho HS. GV đưa ra các ý kiến, yêu cầu HS nhận xét bằng cách giơ thẻ.</p> <p>- Dặn HS về nhà trong bữa ăn cần ăn nhiều loại thức ăn để có đủ chất dinh dưỡng.</p> <p>- GV nhận xét tiết học.</p>	Tên thức ăn	Từ loại cây	Cơm	Cây lúa	Khoai tây	Cây khoai	Đường	Cây mía	<p>+ Cơm, ngô, khoai, sắn,.....</p> <p>+ Cơm. ngô, bánh mì,.....</p> <p>+ Cung cấp năng lượng cần thiết cho mọi hoạt động của cơ thể.</p> <p>- HS làm bài vào phiếu cá nhân hoàn thành bảng.</p> <p>- 3 HS đọc phiếu.</p> <p>- Nhận xét.</p> <p>- HS giơ thẻ.</p> <p>- Lắng nghe, ghi nhớ.</p>
Tên thức ăn	Từ loại cây														
Cơm	Cây lúa														
Khoai tây	Cây khoai														
Đường	Cây mía														
.....														
.....														

HƯỚNG DẪN HỌC

HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP TRONG NGÀY

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Học sinh hoàn thành các bài tập buổi sáng.
- Củng cố về cách đọc viết số có 6 chữ số.
- Giúp các em đọc viết số có 6 chữ số thành thạo hơn.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng giải toán cho học sinh.

3. Thái độ:

- Học sinh yêu thích môn học.

II .ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

GV :Chuẩn bị đề bài.Phấn màu.

HS :Vờ cùng em học toán 4.

III .CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.

1.Ổn định tổ chức : 1 phút

2.Tiến trình bài dạy.

Tg	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
12'	A.Hoạt động 1 Hoàn thành các bài tập buổi sáng.	-Hôm nay các con học những môn học nào? -Bài tập những môn học nào các con chưa hoàn thành? -Giáo viên cho học sinh tự hoàn thành các môn học buổi sáng.	-Học sinh kể tên những môn học buổi sáng. -2-3 học sinh nêu. -học sinh tự thành các môn học buổi sáng chưa xong.
25'	B.Hoạt động 2 a.Bài tập củng cố	Luyện tập Bài 1. Đọc các số : 234 980, 458 340, 567 678 897098 Bài 2 : Viết các số: 4 trăm nghìn, 6 trăm 9 đơn vị 7 trăm nghìn, 5 chục nghìn, 9 nghìn , 4 trăm 7 chục nghìn, 6 trăm 3 chục, 2 đơn vị	Học sinh đọc 234 980: Hai trăm ba mươi tư ngàn chín trăm tám mươi. 456 340: 567 678: 897 098 : -1 học sinh đọc đề bài. - Lớp làm vở.-> nhận xét bài : 400 609
	b.Bài tập phát triển	Bài 3 : Nêu giá trị của chữ số 5 trong mỗi số sau : 509 678; 305 200; 678 560	759 400 70 632 Giá trị của số 5 là ; 500 000; 5 000; 500
2'	C. Hoạt động 3 Củng cố	Giáo viên tổng kết tiết học	

	dặn dò		
--	---------------	--	--

*Rút kinh nghiệm, bổ sung:

.....

.....

.....

.....

.....

**HƯỚNG DẪN HỌC
HOÀN THÀNH CÁC BÀI TẬP TRONG NGÀY**

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Học sinh hoàn thành các bài tập buổi sáng.
- Củng cố về hàng và lớp, giá trị của mỗi chữ số trong số đã viết.

2. Kỹ năng:

- Rèn kỹ năng giải toán cho học sinh

3. Thái độ:

- Học sinh yêu thích môn học.

II .ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

GV :Chuẩn bị đề bài.Phấn màu,phiếu học tập.

HS :Vở cùng em học toán 4.

III .CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC.

1.Ôn định tổ chức : 1 phút

2.Tiến trình bài dạy.

Tg	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
12'	A.Hoạt động 1 Hoàn thành các bài tập buổi sáng.	-Hôm nay các con học những môn học nào? -Bài tập những môn học nào các con chưa hoàn thành? -Giáo viên cho học sinh tự hoàn thành các môn học buổi sáng.	-Học sinh kê tên những môn học buổi sáng. -2-3 học sinh nêu. -học sinh tự thành các môn học buổi sáng chưa xong.
25'	B.Hoạt động 2 a.Bài tập củng cố	Luyện tập Bài 1. Viết số thích hợp vào chỗ trống : a)Trong số 876 325, chữ số 8 có giá trị là :..... b)Trong số 678 357, chữ số 8 có giá trị là :..... c)Trong số 875 321, chữ số 5 có giá trị là :..... d)Trong số 972 615, chữ số 5 có giá trị là :..... Bài 2. Viết số thành tổng giá trị các hàng của số đó : 73 541 = 6532 = 83 071 = 90 025 =	- 1 học sinh đọc đề bài. - 4 học sinh lên bảng làm bài. - Lớp làm vở. Bài giải a)Trong số 876 325, chữ số 8 có giá trị là :800000 b)Trong số 678 357, chữ số 8 có giá trị là : 8000 c)Trong số 875 321, chữ số 5 có giá trị là : 5000 d)Trong số 972 615, chữ số 5 có giá trị là : 5 -Học sinh nhận xét bài của bạn . -1 học sinh đọc đề bài. -1 học sinh lên bảng làm bài. -lớp làm vở. Bài giải 73541=70000+3000+500+40+1 6532=6000+500+30+2

2'	C. Hoạt động3 Củng cố dặn dò	<p>b.Bài tập phát triển</p> <p>Bài 3. Viết các chữ số thích hợp vào chỗ trống :</p> <p>Cho số 123 456 789. Trong đó :</p> <p>Các chữ số thuộc lớp triệu là :.....</p> <p>Các chữ số thuộc lớp nghìn là :....</p> <p>Các chữ số thuộc lớp đơn vị là :...</p> <p>Chữ số hàng trăm triệu là :.....</p> <p>Chữ số hàng nghìn là :</p> <p>Chữ số hàng chục triệu là :.....</p> <p>Chữ số hàng trăm là :</p> <p>Giáo viên tổng kết tiết học</p>	<p>$83071=80000+3000+70+1$ $90025=90000+20+5$</p> <p>-Học sinh nhận xét bài của bạn .</p> <p>- 1 học sinh đọc đề bài. - HS lên bảng làm bài. - Lớp làm vở.</p> <p>Các chữ số thuộc lớp triệu là : 1,2,3</p> <p>Các chữ số thuộc lớp nghìn là : 4,5,6.</p> <p>Các chữ số thuộc lớp đơn vị là : 7,8,9.</p> <p>Chữ số hàng trăm triệu là :1 Chữ số hàng nghìn là :6 Chữ số hàng chục triệu là : 2 Chữ số hàng trăm là : 7</p>
-----------	---	---	--